

KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B - NGÀY 27/12/2015

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
1	BK05001	12D301Đ022	Nguyễn Hoàng Dinh	25.01.94	Tp.Hồ Chí Minh	12CĐ-CK3	6.0	3.5	6.0	5.5
2	BK05194	13D2040002	Nguyễn Thị Ngọc Ái	12.12.95	Quảng Ngãi	13CĐ-M	5.5	7.0	7.0	6.5
3	BK05003	12D301Đ001	Bùi Thuận An	14.03.94	Bình Thuận	12CĐ-Đ1	5.5	5.0	5.0	5.5
4	BK05415	13D2010001	Huỳnh Trần Công An	08.09.95	Tp.Hồ Chí Minh	13CĐ-CK2	2.5	3.5	4.0	3.0
5	BK05103	13D301Đ001	Lương Hoàng Thuận An	07.11.94	Tp.Hồ Chí Minh	13CĐ-Đ1	6.5	6.5	6.0	6.5
6	BK05402	11D0040037	Phạm Vũ An	08.02.93	Tp.Hồ Chí Minh	12CĐ-TP1	2.5	3.5	5.0	3.5
7	BK05384	13D201M095	Trần Long An	11.01.95	Cà Mau	13CĐ-TM1	4.0	3.5	5.0	4.0
8	BK05425	13D2010002	Bùi Thiên Ân	28.07.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-CK3	3.5	3.0	7.0	4.5
9	BK05247	13D2050293	Đặng Trần Hoàng Ân	17.07.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô1	6.0	3.5	7.0	5.5
10	BK05085	13D2010003	Nguyễn Hồng Ân	28.12.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-CK4	6.0	9.0	6.0	7.0
11	BK05024	13D2010004	Trương Văn Ẩn	11.06.95	Ninh Hải, Ninh Thuận	13CĐ-CK1	6.5	7.0	5.0	6.5
12	BK05316	13D201M001	Huỳnh Lâm Thế Anh	25.12.94	Kiên Giang	13CĐ-TM1	5.5	9.0	6.0	6.5
13	BK05008	12D3010004	Lê Bảo Anh	16.11.92	Tp.Hồ Chí Minh	12CĐ-ĐT1	5.0	5.5	5.0	5.0
14	BK05350	13D201P003	Nguyễn Hữu Tuấn Anh	22.08.94	Tiền Giang	13CĐ-TP1	6.5	8.0	9.0	7.5
15	BK05370	11D0040002	Nhữ Huỳnh Phi Anh	26.06.92	Bình Thuận	12CĐ-TP1	5.0	5.5	6.0	5.5
16	BK05273	13D2050004	Phạm Tuấn Anh	15.10.95	Đồng Nai	13CĐ-Ô2	7.0	7.0	7.0	7.0
17	BK05226	13D2060001	Trần Ngọc Anh	10.10.94	Tuy Phước, Bình Định	13CĐ-NL1	5.0	7.0	4.0	5.5
18	BK05403	13D2010005	Trần Đình Át	25.05.95	Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	13CĐ-CK1	2.0	4.0	5.0	3.5
19	BK05053	13D2010007	Đình Quốc Bảo	17.08.95	Hàm Tân, Bình Thuận	13CĐ-CK2	6.5	8.5	4.0	6.5
20	BK05454	13D301Đ006	Dương Hồng Bảo	29.09.95	Hoài Nhơn, Bình Định	13CĐ-Đ2	6.5	7.0	6.0	6.5
21	BK05472	13D2050006	Lê Vạn Bảo	24.02.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô1	6.5	6.5	8.0	7.0
22	BK05227	13D2060003	Nguyễn Khoa Bảo	01.09.95	Xuân Lộc, Đồng Nai	13CĐ-NL1	4.5	6.0	3.0	4.5
23	BK05086	13D2010009	Trần Đình Bảo	16.07.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-CK4	6.5	9.0	6.0	7.0
24	BK05113	13D301Đ010	Trần Đình Bảy	06.06.95	Đạ Huoai, Lâm Đồng	13CĐ-Đ2	7.0	7.5	5.0	6.5

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
25	BK05317	13D201M004	Châu Thị	Bé	21.03.95	Bến Tre	13CĐ-TM1	6.0	9.0	7.0	7.0
26	BK05025	13D2010011	Vòng Đình	Bích	04.08.94	Long Thành, Đồng Nai	13CĐ-CK1	7.0	7.0	6.0	7.0
27	BK05164	13D3010176	Đặng Thanh	Bình	22.03.95	Kiên Giang	13CĐ-ĐT2	7.0	9.0	6.0	7.5
28	BK05165	13D3010002	Đinh Khắc	Bình	15.03.95	Quảng Ninh	13CĐ-ĐT2	7.0	8.5	7.0	7.5
29	BK05248	13D2050008	Ngô Xuân	Bình	18.02.93	Bình Thuận	13CĐ-Ô1	4.0	5.5	5.0	4.5
30	BK05513	12D201P005	Nguyễn Thanh	Bình	20.09.94	Đồng Nai	13CĐ-TP2	4.5	8.0	7.0	6.0
31	BK05351	13D201P008	Nguyễn Thanh	Bình	15.12.94	Bến Tre	13CĐ-TP1	2.5	3.5	5.0	3.5
32	BK05373	13D201M005	Nguyễn Thanh	Bình	09.01.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CĐ-TM1	4.0	3.5	5.0	4.0
33	BK05228	13D2060005	Phạm Quốc	Bình	11.01.95	Đồng Tháp	13CĐ-NL1	4.5	6.5	7.0	5.5
34	BK05026	13D2010272	K'	Bis	27.06.95	Lâm Đồng	13CĐ-CK1	7.0	7.0	4.0	6.5
35	BK05027	13D2010012	Nguyễn Trương	Bửu	26.12.95	Đồng Tháp	13CĐ-CK1	7.0	6.5	4.0	6.0
36	BK05393	13D2050298	Hồ Văn	Cảnh	10.09.95	Bến Tre	13CĐ-Ô3	1.5	3.0	vắng	1.5
37	BK05054	13D2010013	Trần Hữu	Cảnh	24.08.95	Bình Đại, Bến Tre	13CĐ-CK2	6.5	8.5	5.0	6.5
38	BK05249	13D2050011	Đặng Minh	Châu	29.11.95	Cai Lậy, Tiền Giang	13CĐ-Ô1	4.0	5.0	5.0	4.5
39	BK05017	12D201P008	Lê Văn	Chí	20.02.94	Bà Rịa-Vũng Tàu	12CĐ-TP1	6.5	5.5	6.0	6.0
40	BK05404	13D2010016	Lê Hữu	Chinh	07.06.95	Đắk Lắk	13CĐ-CK1	4.0	4.0	5.0	4.5
41	BK05028	13D2010017	Trần Bảo	Chinh	08.06.92	Tuy Phong, Bình Thuận	13CĐ-CK1	6.5	5.5	4.0	5.5
42	BK05464	13D3010005	Nguyễn Thành	Chung	10.02.94	Ninh Hải, Ninh Thuận	13CĐ-ĐT1	5.0	7.0	7.0	6.0
43	BK05352	13D201P012	Lê Chí	Công	1994	Bạc Liêu	13CĐ-TP1	3.5	5.0	6.0	4.5
44	BK05426	13D2010020	Võ Duy	Công	25.07.94	Lâm Đồng	13CĐ-CK3	3.0	4.5	6.0	4.0
45	BK05250	13D2050013	Nguyễn Mạnh	Cường	07.05.95	Lâm Đồng	13CĐ-Ô1	4.0	4.5	6.0	4.5
46	BK05397	13D301Đ022	Phạm Duy	Cường	22.07.95	Long An	13CĐ-Đ2	4.0	5.5	4.0	4.5
47	BK05298	13D2050015	Phạm Quốc	Cường	16.12.95	Sông Bé	13CĐ-Ô3	6.5	7.0	6.0	6.5
48	BK05541	12D201P012	Trần Hùng	Cường	12.8.93	Tp.Hồ Chí Minh	12CĐ-TP1	5.5	6.0	4.0	5.5
49	BK05133	13D3010018	Nguyễn Hải	Đăng	19.05.95	H.Bình Đại, T.Bến Tre	13CĐ-ĐT1	7.0	7.0	5.0	6.5
50	BK05274	13D2050029	Phạm Hải	Đăng	15.08.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô2	7.0	7.0	8.0	7.5
51	BK05029	13D2010030	Vũ Minh	Đăng	01.04.95	Đồng Nai	13CĐ-CK1	6.0	6.0	5.0	6.0
52	BK05229	13D2060007	Võ Thành	Danh	07.02.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-NL1	4.0	5.5	8.0	5.5
53	BK05318	13D201M009	Khương Công Thái	Đạt	25.08.94	Thanh Hóa	13CĐ-TM1	6.5	9.0	7.0	7.5
54	BK05087	13D2010033	Lê Minh	Đạt	20.08.94	Đồng Tháp	13CĐ-CK4	6.0	7.5	7.0	6.5
55	BK05018	12D201P015	Lê Nguyễn Tiến	Đạt	28.09.93	Tp.Hồ Chí Minh	12CĐ-TP1	6.5	5.0	6.0	6.0
56	BK05251	13D2050031	Lê Vũ	Đạt	08.08.93	Thái Bình	13CĐ-Ô1	7.0	7.0	6.5	7.0

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
57	BK05405	13D2010034	Mai Công	Đạt	25.06.94	Đăk Lăk	13CĐ-CK1	2.5	3.0	4.0	3.0
58	BK05330	13D201M010	Ngô Thành	Đạt	06.08.94	Bình Định	13CĐ-TM2	4.5	7.0	6.0	5.5
59	BK05331	13D201M011	Nguyễn	Đạt	27.03.95	Đăk Lăk	13CĐ-TM2	4.0	6.5	7.5	5.5
60	BK05166	13D3010177	Nguyễn Tấn	Đạt	09.04.95	Tiền Giang	13CĐ-ĐT2	7.0	5.5	8.0	7.0
61	BK05551	13D2050033	Nguyễn Tiến	Đạt	13.09.95	Đăk Lăk	13CĐ-Ô2	6.0	7.0	4.0	6.0
62	BK05056	13D2010037	Phạm Hữu	Đạt	12.07.94	Đức Linh, Bình Thuận	13CĐ-CK2	6.0	9.0	4.0	6.5
63	BK05504	13D201M012	Trần Mẫn	Đạt	14.08.95	TP. Hồ Chí Minh	13CĐ-TM2	5.5	5.0	8.0	6.0
64	BK05475	13D2050034	Trần Quốc	Đạt	15.09.95	Bình Định	13CĐ-Ô2	4.0	3.5	4.0	4.0
65	BK05382	13D201M087	Nguyễn Thị Ngọc	Điệp	28.01.95	Quảng Trị	13CĐ-TM1	4.5	3.5	5.0	4.5
66	BK05011	12D3010031	Nguyễn Khắc	Điệp	10.10.94	Tây Ninh	12CĐ-ĐT2	7.0	7.0	5.0	6.5
67	BK05104	13D301Đ037	Nguyễn Thành	Đồng	28.02.95	Long An	13CĐ-Đ1	6.5	7.0	4.0	6.0
68	BK05540	12D201P018	Trần Trí	Đồng	07.11.94	Tp.Hồ Chí Minh	12CĐ-TP1	4.5	6.5	4.0	5.0
69	BK05114	13D301Đ038	Hàn Minh	Đức	26.08.95	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CĐ-Đ2	7.0	7.5	5.0	6.5
70	BK05275	13D2050039	Hoàng Minh	Đức	05.06.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô2	7.5	7.5	7.0	7.5
71	BK05332	13D201M016	Ngô Hiền	Đức	30.01.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-TM2	4.5	6.0	7.5	5.5
72	BK05252	13D2050041	Nguyễn Hữu	Đức	12.02.94	Khánh Hòa	13CĐ-Ô1	6.5	7.0	4.5	6.0
73	BK05374	13D201M017	Nguyễn Quang	Đức	03.02.95	Bình Định	13CĐ-TM1	5.0	3.5	5.0	4.5
74	BK05276	13D2050019	Hồ Chí	Đũng	12.10.95	Quảng Ngãi	13CĐ-Ô2	7.5	7.5	8.0	7.5
75	BK05167	13D3010011	Nguyễn Đình	Đũng	26.11.93	Nghệ An	13CĐ-ĐT2	5.0	5.0	6.0	5.5
76	BK05105	13D301Đ025	Nguyễn Ngọc	Đũng	16.11.93	Bình Thuận	13CĐ-Đ1	6.0	6.5	4.0	5.5
77	BK05030	13D2010024	Phạm Hoàng	Đũng	10.02.95	Tân Hiệp, Kiên Giang	13CĐ-CK1	6.0	6.0	7.0	6.5
78	BK05134	13D3010012	Phạm Văn	Đũng	03.08.94	Đức Linh, Bình Thuận	13CĐ-ĐT1	7.0	7.0	4.0	6.5
79	BK05514	13D201P127	Trần Văn	Đũng	20.02.95	Quảng Bình	13CĐ-TP2	5.0	7.0	7.0	6.0
80	BK05525	13D2050305	Trần Việt	Đũng	01.04.94	Lâm Đồng	13CĐ-Ô3	6.5	7.0	6.0	6.5
81	BK05031	13D2010273	Phạm Ngọc	Dược	16.04.95	Đức Linh, Bình Thuận	13CĐ-CK1	6.0	5.0	6.0	6.0
82	BK05455	13D301Đ026	Trương Thành	Dương	27.09.95	Ninh Hải, Ninh Thuận	13CĐ-Đ2	6.0	7.0	6.0	6.5
83	BK05253	13D2050023	Võ Đại	Dương	13.03.95	Tiền Giang	13CĐ-Ô1	6.5	5.0	5.5	6.0
84	BK05277	13D2050024	Đào Minh	Duy	12.06.95	Vĩnh Long	13CĐ-Ô2	7.0	7.5	6.0	7.0
85	BK05032	13D2010026	Nguyễn Hữu	Duy	01.01.95	Tuy Hòa, Phú Yên	13CĐ-CK1	6.5	4.5	7.0	6.0
86	BK05465	13D3010014	Nguyễn Khánh	Duy	26.09.95	Lâm Đồng	13CĐ-ĐT1	4.5	5.5	5.0	5.0
87	BK05033	13D2010274	Nguyễn Nhật	Duy	02.06.95	Thanh Hưng, Đồng Tháp	13CĐ-CK1	6.5	7.0	6.0	6.5
88	BK05299	13D2050025	Nguyễn Tấn	Duy	02.10.95	Bình Định	13CĐ-Ô3	6.5	7.0	5.0	6.5

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
89	BK05476	13D2050267	Nguyễn Thái	Duy	20.08.95	Quảng Ngãi	13CĐ-Ô2	3.5	3.5	4.0	3.5
90	BK05002	12D2010023	Nguyễn Văn	Duy	05.07.94	Quảng Ngãi	12CĐ-CK3	5.5	5.0	4.0	5.0
91	BK05034	13D2010279	Phạm Ngọc	Duy	06.08.94	Phan Thiết, Bình Thuận	13CĐ-CK1	7.0	7.0	8.0	7.5
92	BK05035	13D2010028	Phạm Vũ	Duy	30.04.95	Tân Hiệp, Kiên Giang	13CĐ-CK1	7.0	7.0	7.0	7.0
93	BK05195	13D2040064	Lương Tâm	Em	03.04.91	Đồng Tháp	13CĐ-M	5.5	9.0	8.0	7.0
94	BK05230	13D2060013	Nguyễn Văn	Gia	28.03.88	Thừa Thiên - Huế	13CĐ-NL1	4.0	5.5	7.0	5.0
95	BK05533	13D201M018	Huỳnh Trường	Giang	19.04.95	Cà Mau	13CĐ-TM2	6.5	8.0	4.0	6.5
96	BK05550	13D201P021	Lâm Vũ Trường	Giang	17.11.95	Sông Bé	13CĐ-TP1	5.0	7.5	5.0	5.5
97	BK05196	13D2040007	Lê Nguyễn Kim	Giao	22.09.94	Thừa Thiên - Huế	13CĐ-M	6.5	8.5	8.0	7.5
98	BK05088	13D2010045	Nguyễn Hữu	Gin	19.07.95	Quảng Ngãi	13CĐ-CK4	6.0	8.0	6.0	6.5
99	BK05115	13D301Đ042	Nguyễn Văn	Hà	23.03.95	Đồng Phú, Sông Bé	13CĐ-Đ2	7.0	7.5	5.0	6.5
100	BK05012	12D2040010	Lê Giang Châu Vĩnh	Hạ	13.06.93	Tp.Hồ Chí Minh	12CĐ-M	6.0	6.5	5.0	6.0
101	BK05197	13D2040008	Nguyễn Thị Xuân	Hạ	24.07.95	Bình Định	13CĐ-M	5.0	7.0	8.0	6.5
102	BK05036	13D2010046	Lê Phúc	Hải	15.06.95	Bến Tre	13CĐ-CK1	7.0	7.0	5.0	6.5
103	BK05058	13D2010047	Nguyễn Công	Hải	20.04.95	Tuy Hòa, Phú Yên	13CĐ-CK2	6.0	9.0	6.0	7.0
104	BK05278	13D2050049	Nguyễn Phúc	Hải	22.03.95	Đồng Nai	13CĐ-Ô2	7.0	6.0	6.0	6.5
105	BK05300	13D2050050	Nguyễn Tịnh	Hải	15.09.95	Vĩnh Long	13CĐ-Ô3	7.0	6.5	6.0	6.5
106	BK05135	13D3010026	Phạm Giang	Hải	20.05.95	Xuân Lộc, Đồng Nai	13CĐ-ĐT1	7.0	7.0	4.0	6.5
107	BK05231	13D2060015	Phạm Khắc	Hải	29.11.95	Tứ Kỳ, Hải Dương	13CĐ-NL1	4.0	5.5	7.0	5.0
108	BK05037	13D2010048	Võ Duy	Hải	30.03.95	Quế Sơn, Quảng Nam	13CĐ-CK1	7.0	7.5	5.0	6.5
109	BK05386	13D201P023	Võ Minh	Hải	08.09.94	Long An	13CĐ-TP1	2.5	6.0	4.0	4.0
110	BK05198	13D2040057	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	04.12.95	Bến Tre	13CĐ-M	7.0	8.5	7.0	7.5
111	BK05254	13D2050052	Trần Trọng	Hân	05.03.95	Kiên Giang	13CĐ-Ô1	5.5	5.5	6.0	5.5
112	BK05199	13D2040010	Bạch Thị Thúy	Hằng	22.01.95	Tiền Giang	13CĐ-M	5.5	8.5	7.0	6.5
113	BK05200	13D2040011	Bùi Thị Kim	Hằng	03.05.95	Đồng Nai	13CĐ-M	6.5	7.5	7.0	7.0
114	BK05089	13D2010051	Huỳnh Văn	Hạnh	10.04.95	Bình Định	13CĐ-CK4	6.5	7.5	7.0	7.0
115	BK05255	13D2050058	Nguyễn Chí	Hào	10.07.95	Khánh Hòa	13CĐ-Ô1	5.5	5.0	8.0	6.0
116	BK05168	13D3010168	Nguyễn Phi	Hào	03.02.95	Ninh Hải, Ninh Thuận	13CĐ-ĐT2	6.0	6.0	9.0	7.0
117	BK05136	13D3010029	Nguyễn Tấn Anh	Hào	05.04.95	TP. Hồ Chí Minh	13CĐ-ĐT1	7.0	7.5	6.0	7.0
118	BK05456	13D301Đ205	Mai Văn	Hảo	22.05.95	Tuy Phong, Bình Thuận	13CĐ-Đ2	6.0	6.5	4.0	5.5
119	BK05333	13D201M020	Nguyễn Phúc	Hậu	30.09.95	Tiền Giang	13CĐ-TM2	5.5	7.5	8.0	6.5
120	BK05279	13D2050064	Trương Khánh	Hậu	01.07.95	Bình Định	13CĐ-Ô2	7.0	6.0	8.0	7.0

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
121	BK05232	13D2060017	Phan Thị	Hết	10.12.95	Phù Mỹ, Bình Định	13CĐ-NL1	5.0	5.5	6.0	5.5
122	BK05256	13D2050304	Nguyễn Minh	Hiển	16.07.95	Đồng Nai	13CĐ-Ô1	5.5	5.0	6.0	5.5
123	BK05461	13D301Đ047	Phương Văn	Hiển	05.08.94	Tuy Phong, Bình Thuận	13CĐ-Đ3	6.5	6.5	5.0	6.0
124	BK05201	13D2040012	Võ Thị Ngọc	Hiển	12.12.94	Bình Thuận	13CĐ-M	4.0	5.0	5.0	4.5
125	BK05038	13D2010058	Mai Xuân	Hiệp	12.03.95	Phù Mỹ, Bình Định	13CĐ-CK1	7.0	7.0	4.0	6.5
126	BK05361	13D201P026	Cao Trí	Hiếu	16.07.95	Hậu Giang	13CĐ-TP2	6.0	7.0	6.0	6.3
127	BK05257	13D2050068	Giáp Văn	Hiếu	10.09.94	Bắc Giang	13CĐ-Ô1	5.5	5.5	6.0	5.5
128	BK05233	13D2060070	Hoàng Trung	Hiếu	18.10.95	Tân Hiệp, Kiên Giang	13CĐ-NL1	4.5	6.5	5.0	5.0
129	BK05477	13D2050069	La Xuân	Hiếu	11.01.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CĐ-Ô2	5.0	4.0	5.0	5.0
130	BK05334	13D201M056	Lý Hữu	Hiếu	10.07.92	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-TM2	6.5	9.0	7.5	7.5
131	BK05530	13D2010063	Nguyễn Minh	Hiếu	01.12.95	Tiền Giang	13CĐ-CK4	6.5	7.0	4.0	6.0
132	BK05406	13D2010064	Nguyễn Văn	Hiếu	09.10.95	Hà Bắc	13CĐ-CK1	1.5	3.5	5.0	3.0
133	BK05319	13D201M086	Huỳnh Thị Hồng	Hoa	29.12.95	Long An	13CĐ-TM1	6.0	9.0	6.0	7.0
134	BK05280	13D2050279	Đỗ Minh	Hòa	21.02.95	Sông Bé	13CĐ-Ô2	7.0	6.5	6.0	6.5
135	BK05398	13D301Đ051	Hoàng Văn	Hòa	08.09.94	M'Đrăk, T.Đăk Lăk	13CĐ-Đ3	5.0	5.0	5.0	5.0
136	BK05106	13D301Đ053	Nguyễn Ngọc	Hoài	09.03.95	Bình Thuận	13CĐ-Đ1	6.5	7.0	5.0	6.5
137	BK05039	13D2010066	Nguyễn Văn	Hoài	04.06.95	An Nhơn, Bình Định	13CĐ-CK1	7.0	8.0	5.0	7.0
138	BK05059	13D2010067	Trương Công	Hoài	18.04.95	Phù Mỹ, Bình Định	13CĐ-CK2	6.0	9.0	3.0	6.0
139	BK05335	13D201M022	Võ Văn	Hoài	10.02.94	Bình Định	13CĐ-TM2	6.0	9.0	7.0	7.0
140	BK05427	13D2010068	Nguyễn Thành	Hoan	19.11.95	Tuy Phước, Bình Định	13CĐ-CK3	2.5	3.5	4.5	3.5
141	BK05169	13D3010036	Đinh Khải	Hoàn	19.11.94	Đồng Nai	13CĐ-ĐT2	6.5	7.0	5.0	6.5
142	BK05116	13D301Đ054	Nguyễn	Hoàng	27.12.95	Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	13CĐ-Đ2	7.0	7.5	5.0	6.5
143	BK05258	13D2050073	Nguyễn Minh	Hoàng	01.08.95	Thái Bình	13CĐ-Ô1	5.5	5.5	8.0	6.0
144	BK05478	13D2050074	Nguyễn Văn	Hoàng	30.10.94	Hà Tĩnh	13CĐ-Ô2	4.0	5.0	7.0	5.0
145	BK05170	13D3010169	Phạm Ngọc	Hoàng	03.04.95	Cư M'gar, Đăk Lăk	13CĐ-ĐT2	5.5	8.0	5.0	6.0
146	BK05137	13D3010039	Nguyễn Văn	Hoanh	14.10.95	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CĐ-ĐT1	7.0	7.5	4.0	6.5
147	BK05388	13D2050075	Đinh Văn	Hội	10.06.95	Nam Hà	13CĐ-Ô3	3.0	5.0	4.0	4.0
148	BK05537	13D2040014	Nguyễn Thị Ngọc	Hợp	21.03.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CĐ-M	5.0	5.0	5.0	5.0
149	BK05171	13D3010040	Nguyễn Ngọc	Huân	17.04.95	Khánh Hòa	13CĐ-ĐT2	7.0	8.0	8.0	7.5
150	BK05394	13D3010041	Nguyễn Minh	Hùng	08.05.94	Cần Giuộc, Long An	13CĐ-ĐT1	3.5	4.5	4.0	4.0
151	BK05040	12D2010067	Nguyễn Thanh	Hùng	19.02.93	Hòa Thành, Tây Ninh	13CĐ-CK1	6.0	5.0	4.0	5.5
152	BK05407	13D2010078	Trương Văn	Hùng	21.08.94	Thanh Hóa	13CĐ-CK1	2.0	4.0	0.0	2.0

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
153	BK05071	13D2010077	Nguyễn Phước	Hưng	05.05.94	Quế Sơn, Quảng Nam	13CĐ-CK3	6.0	7.5	5.0	6.0
154	BK05515	13D201P030	Phan Ngọc	Hưng	22.02.95	Bình Thuận	13CĐ-TP2	4.0	7.0	7.0	5.5
155	BK05019	12D201P030	Vòng Dịu Vinh	Hưng	08.09.94	Hồng Kông	12CĐ-TP1	6.5	5.5	6.0	6.0
156	BK05202	13D2040015	Trương Thị Cẩm	Hướng	30.12.95	Trà Vinh	13CĐ-M	4.5	4.5	5.0	4.5
157	BK05500	13D201M081	Hồ Gia	Hưởng	14.03.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-TM1	6.0	5.0	8.0	6.5
158	BK05354	13D201P031	Lê Thanh	Hữu	10.09.95	Bến Tre	13CĐ-TP1	5.0	6.5	6.0	5.5
159	BK05389	13D2050081	Bùi Quang	Huy	28.12.95	Bến Tre	13CĐ-Ô1	4.0	5.0	4.0	4.5
160	BK05107	13D301Đ065	Đoàn Lê Xuân	Huy	13.05.95	TP. Hồ Chí Minh	13CĐ-Đ1	7.0	6.0	6.0	6.5
161	BK05487	11D0030051	Lê Đức	Huy	13.01.93		13CĐ-Ô3	7.0	7.0	6.0	7.0
162	BK05281	13D2050083	Lê Ngọc	Huy	05.04.92	TP. Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô2	7.0	5.0	8.0	7.0
163	BK05545	13D3010045	Lê Thành	Huy	25.04.95	TP.Tuy Hòa, Phú Yên	13CĐ-ĐT1	5.5	7.5	4.0	5.5
164	BK05282	13D2050084	Nguyễn Đức	Huy	03.10.95	Quảng Ngãi	13CĐ-Ô2	7.5	7.0	6.0	7.0
165	BK05234	13D2060071	Nguyễn Hoàng	Huy	04.11.95	Long An	13CĐ-NL1	5.5	6.5	8.0	6.5
166	BK05320	11D0050024	Nguyễn Hoàng Minh	Huy	29.07.93		13CĐ-TM1	7.0	8.5	9.0	8.0
167	BK05417	13D2010079	Nguyễn Phát	Huy	25.05.94	Đức Linh, Bình Thuận	13CĐ-CK2	2.5	3.5	5.0	3.5
168	BK05527	12D201P032	Nguyễn Triết	Huy	04.11.94	Tp.Hồ Chí Minh	12CĐ-TP1	5.5	6.5	4.0	5.5
169	BK05259	13D2050086	Trần Hữu	Huy	18.03.95	Cần Thơ	13CĐ-Ô1	6.0	6.0	8.0	6.5
170	BK05283	13D2050088	Trịnh Tấn	Huy	15.05.95	Đắk Lắk	13CĐ-Ô2	7.0	7.0	6.0	7.0
171	BK05284	13D2050089	Võ Ngọc Hoàng	Huy	30.11.95	Tiền Giang	13CĐ-Ô2	7.5	7.0	7.0	7.5
172	BK05285	12D2050032	Vũ Đức	Huy	16.12.94	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô2	7.5	7.5	7.0	7.5
173	BK05172	13D3010049	Bùi Văn	Huỳnh	04.10.94	Bình Thuận	13CĐ-ĐT2	6.5	8.0	7.0	7.0
174	BK05072	13D2010283	Ngô Quý	Huỳnh	14.07.95	Định Quán, Đồng Nai	13CĐ-CK3	6.0	8.5	6.0	6.5
175	BK05321	13D201M025	Nguyễn Văn	Huỳnh	22.12.95	Quảng Ngãi	13CĐ-TM1	6.5	8.5	7.0	7.0
176	BK05090	13D2010081	Nguyễn Thành	Kha	26.05.95	Long An	13CĐ-CK4	6.5	7.5	4.0	6.0
177	BK05203	13D2040017	Phạm Hoàng Mộng	Kha	23.09.95	Long An	13CĐ-M	5.5	5.0	6.0	5.5
178	BK05041	13D2010082	Trần Quang	Khải	17.07.95	Đồng Nai	13CĐ-CK1	6.0	7.0	5.0	6.0
179	BK05322	13D201M027	Trịnh Hoàng	Khanh	28.03.95	TP. Hồ Chí Minh	13CĐ-TM1	6.0	9.0	5.0	6.5
180	BK05395	13D3010051	Huỳnh Duy	Khánh	09.10.95	Quảng Ngãi	13CĐ-ĐT1	2.0	3.5	4.0	3.0
181	BK05173	13D3010052	Nguyễn Quang	Khánh	09.11.95	Quảng Ngãi	13CĐ-ĐT2	7.0	8.5	6.0	7.0
182	BK05355	13D201P033	Trần Văn Duy	Khánh	24.11.95	Bến Tre	13CĐ-TP1	3.5	6.5	7.0	5.0
183	BK05139	13D3010053	Đỗ Đăng	Khoa	01.01.94	Hậu Giang	13CĐ-ĐT1	7.0	7.5	4.0	6.5
184	BK05091	13D2010086	Nguyễn Đan	Khoa	10.10.95	Kiên Giang	13CĐ-CK4	6.0	8.5	6.0	6.5

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
185	BK05060	13D2010087	Trần Ngọc	Khoa	30.09.93	Tánh Linh, Bình Thuận	13CĐ-CK2	6.0	9.0	5.0	6.5
186	BK05042	13D2010088	Trần Minh	Khôi	20.05.94	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CĐ-CK1	6.5	7.0	5.0	6.5
187	BK05235	13D2060023	Lại Văn	Khương	20.02.95	Tuy Hòa, Phú Yên	13CĐ-NL1	2.5	6.0	6.0	4.5
188	BK05440	13D2010091	Nguyễn Sỹ	Kiên	07.01.95	Thanh Hóa	13CĐ-CK4	2.5	3.0	4.0	3.0
189	BK05140	13D3010056	Phan Trung	Kiên	13.03.95	Phú Yên	13CĐ-ĐT1	7.0	8.0	4.0	6.5
190	BK05362	13D201P038	Trần Đình Anh	Kiệt	17.06.95	Gia Lai	13CĐ-TP2	6.5	7.0	8.0	7.0
191	BK05363	13D201P040	Lâm Xuân	Ký	02.10.95	An Giang	13CĐ-TP2	5.5	6.5	5.0	5.5
192	BK05015	12D2060033	Hoàng Tiến	Kỳ	20.02.94	Bắc Giang	12CĐ-NL2	7.0	7.0	5.0	6.5
193	BK05428	13D2010095	Võ Quý	Kỳ	29.10.95	Ninh Hải, Ninh Thuận	13CĐ-CK3	2.5	4.0	8.0	4.5
194	BK05323	13D201M029	Trần Minh	Lai	30.01.95	Bình Thuận	13CĐ-TM1	5.5	9.0	7.5	7.0
195	BK05174	13D3010061	Nguyễn Quang	Lành	20.07.94	Đắk Lắk	13CĐ-ĐT2	6.5	8.5	8.0	7.5
196	BK05505	13D201M030	Lâm Đức	Lễ	27.03.95	Tây Ninh	13CĐ-TM2	6.5	7.0	8.0	7.0
197	BK05204	13D2040060	Cao Thị Mỹ	Lệ	01.03.95	Quảng Ngãi	13CĐ-M	5.5	5.0	4.0	5.0
198	BK05501	13D201M031	Hoàng Ngọc	Linh	28.12.95	Bình Thuận	13CĐ-TM1	7.0	6.5	7.0	7.0
199	BK05205	13D2040061	Lê Hà	Linh	12.02.95	Long An	13CĐ-M	6.0	5.0	5.0	5.5
200	BK05236	13D2060025	Lê Hoàng	Linh	29.03.94	Long An	13CĐ-NL1	5.0	5.5	5.0	5.0
201	BK05418	13D2010099	Lương Tấn	Linh	27.02.95	Bến Lức, Long An	13CĐ-CK2	3.0	3.5	4.0	3.5
202	BK05429	13D2010100	Nguyễn Hoàng	Linh	09.12.95	Bình Định	13CĐ-CK3	3.0	3.5	4.0	3.5
203	BK05108	13D301Đ204	Nguyễn Khánh	Linh	24.04.95	Long An	13CĐ-Đ1	6.5	8.5	5.0	6.5
204	BK05488	13D2050099	Nguyễn Thanh	Linh	18.08.95	An Giang	13CĐ-Ô3	7.0	7.0	5.0	6.5
205	BK05462	13D301Đ075	Trần Ngọc	Linh	08.02.95	Tuy Phong, Bình Thuận	13CĐ-Đ3	6.0	6.5	6.0	6.0
206	BK05206	13D2040020	Nguyễn Thị Thanh	Loan	18.08.95	Gia Lai	13CĐ-M	7.0	6.5	7.0	7.0
207	BK05516	13D201P117	Lại Xuân	Lộc	06.03.93	Sông Bé	13CĐ-TP2	4.5	7.0	6.0	5.5
208	BK05364	13D201P118	Trần Bửu	Lộc	02.10.94	Bình Định	13CĐ-TP2	6.0	6.5	6.0	6.0
209	BK05336	13D201M032	Kiều Tấn	Lợi	18.01.95	Long An	13CĐ-TM2	5.0	5.0	8.0	6.0
210	BK05020	12D201P040	Triệu Đại	Lợi	16.07.94	Kiên Giang	12CĐ-TP1	6.5	5.0	6.0	6.0
211	BK05009	12D3010073	Võ Minh	Lợi	15.01.94	Quảng Ngãi	12CĐ-ĐT1	6.0	6.5	4.0	5.5
212	BK05130	13D301Đ079	Khương Trung	Long	22.11.95	Vĩnh Linh, Quảng Trị	13CĐ-Đ3	7.5	7.5	4.0	6.5
213	BK05061	13D2010107	Nghiêm Bảo	Long	28.08.95	Lâm Đồng	13CĐ-CK2	6.0	9.0	5.0	6.5
214	BK05324	13D201M094	Nguyễn Hoàng	Long	26.03.95	Long An	13CĐ-TM1	6.0	8.0	5.0	6.5
215	BK05473	13D2050108	Nguyễn Phi	Long	06.03.94	TP. Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô1	5.0	6.5	7.0	6.0
216	BK05356	13D201P045	Phan Ngọc Bảo	Long	03.05.94	Bến Tre	13CĐ-TP1	3.5	6.5	6.0	5.0

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
217	BK05260	13D2050110	Trần Ngọc	Long	14.06.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô1	5.5	5.5	8.0	6.0
218	BK05325	13D201M035	Võ Minh	Luận	15.01.95	TP. Hồ Chí Minh	13CĐ-TM1	5.5	5.0	7.0	6.0
219	BK05449	13D301Đ162	Đỗ Văn	Lượng	18.03.95	Bình Định	13CĐ-Đ1	5.0	6.0	5.0	5.5
220	BK05337	13D201M105	Huỳnh Thị	Lùy	24.01.95	Phú Yên	13CĐ-TM2	6.5	7.0	8.0	7.0
221	BK05450	13D301Đ081	Mai Đình	Luyện	05.02.92	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Đ1	6.5	6.5	4.0	6.0
222	BK05062	13D2010112	Nguyễn Hữu	Lý	20.11.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-CK2	6.0	9.0	5.0	6.5
223	BK05338	13D201M036	Hồ Văn	Mẫn	04.09.95	Cần Thơ	13CĐ-TM2	7.0	9.0	8.0	8.0
224	BK05237	13D2060029	Nguyễn Ngọc	Mạnh	17.12.95	Đồng Tháp	13CĐ-NL1	5.0	6.0	7.0	6.0
225	BK05073	13D2010115	Nguyễn Văn	Mạnh	10.12.95	Quảng Bình	13CĐ-CK3	6.0	8.5	5.0	6.5
226	BK05175	13D3010180	Nguyễn Viết	Mạnh	01.03.93	Vĩnh Phúc	13CĐ-ĐT2	7.0	7.5	7.0	7.0
227	BK05141	13D3010069	Nguyễn Công	Minh	10.01.95	Bình Lục, Nam Hà	13CĐ-ĐT1	6.5	7.5	4.0	6.0
228	BK05326	13D201M099	Nguyễn Hoàng	Minh	28.04.95	Vĩnh Phú	13CĐ-TM1	5.0	6.5	7.0	6.0
229	BK05339	13D201M091	Nguyễn Nhật	Minh	10.12.95	Đồng Nai	13CĐ-TM2	5.5	8.0	7.5	6.5
230	BK05016	12D2060045	Nguyễn Văn	Minh	07.09.94	Nam Định	12CĐ-NL2	6.5	6.0	4.0	6.0
231	BK05506	13D201M038	Ôn Nhật	Minh	21.12.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-TM2	6.5	7.0	7.0	7.0
232	BK05517	13D201P048	Phạm Trọng	Minh	03.04.90	Nghệ An	13CĐ-TP2	5.0	8.5	8.0	6.5
233	BK05004	12D301Đ083	Trần Kim	Minh	19.08.94	Bình Thuận	12CĐ-Đ2	4.0	4.0	6.0	4.5
234	BK05286	13D2050118	Vũ	Minh	31.07.94	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô2	7.0	8.0	7.0	7.5
235	BK05176	13D3010070	Trần Chí	Mỹ	16.06.93	Sông Bé	13CĐ-ĐT2	7.0	7.5	5.0	6.5
236	BK05261	13D2050266	Bùi Xuân	Nam	08.04.95	Hoài Nhơn, Bình Định	13CĐ-Ô1	6.0	5.0	6.5	6.0
237	BK05552	13D2050299	Đạo Đức	Nam	26.04.93	Ninh Thuận	13CĐ-Ô2	7.5	7.0	4.0	6.5
238	BK05371	13D2010122	Hoàng Sỹ	Nam	02.03.95	Quế Sơn, Quảng Nam	13CĐ-CK2	3.5	5.0	6.0	4.5
239	BK05177	13D3010071	Nguyễn Thành	Nam	11.06.94	Tiền Giang	13CĐ-ĐT2	7.0	9.0	4.0	7.0
240	BK05238	13D2060033	Phạm Nhật	Nam	13.02.95	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CĐ-NL1	4.0	6.5	4.0	4.5
241	BK05466	13D3010073	Trịnh Phương	Nam	21.02.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-ĐT1	5.0	5.5	7.0	5.5
242	BK05109	13D301Đ085	Võ Hoài	Nam	09.09.94	Long An	13CĐ-Đ1	7.0	7.0	7.0	7.0
243	BK05408	13D2010123	Ngô Văn	Năm	03.08.94	Tuy Phong, Bình Thuận	13CĐ-CK1	2.0	5.0	5.0	3.5
244	BK05013	12D2040017	Đỗ Văn	Nay	20.12.91	Trà Vinh	12CĐ-M	7.0	7.0	5.0	6.5
245	BK05117	13D301Đ086	Phạm Văn	Nghị	02.06.95	Tây Sơn, Bình Định	13CĐ-Đ2	7.0	7.5	5.0	6.5
246	BK05489	13D2050123	Hoàng Văn	Nghĩa	18.10.94	Thịệu Hóa, Thanh Hóa	13CĐ-Ô3	7.0	7.0	6.0	7.0
247	BK05178	13D3010074	Huỳnh Trọng	Nghĩa	20.07.95	Phú Yên	13CĐ-ĐT2	6.5	9.0	4.0	6.5
248	BK05287	13D2050124	Lê Đức	Nghĩa	15.07.95	Long An	13CĐ-Ô2	7.5	7.0	6.0	7.0

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
249	BK05301	13D2050125	Lê Hữu	Nghĩa	20.06.95	Tiền Giang	13CĐ-Ô3	4.5	6.5	5.0	5.0
250	BK05376	13D201M041	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	04.12.95	TP. Hồ Chí Minh	13CĐ-TM1	5.0	4.0	5.0	5.0
251	BK05110	13D301Đ089	Nguyễn Hữu	Nghĩa	29.12.94	Tiền Giang	13CĐ-Đ1	7.0	6.0	5.0	6.5
252	BK05507	13D201M042	Phan Duy	Nghĩa	04.05.93	Quảng Nam	13CĐ-TM2	6.5	7.0	5.0	6.5
253	BK05479	13D2050281	Trần Trọng	Nghĩa	12.08.95	Đức Trọng, Lâm Đồng	13CĐ-Ô2	3.5	6.0	6.0	5.0
254	BK05092	13D2010126	Võ Thành	Nghĩa	17.06.94	TP. Hồ Chí Minh	13CĐ-CK4	6.5	8.5	5.0	6.5
255	BK05207	13D2040027	Phan Thị Ánh	Ngọc	21.05.95	Phú Yên	13CĐ-M	4.5	5.0	5.0	5.0
256	BK05419	13D2010127	Nguyễn Xuân	Nguyên	02.12.95	Bình Định	13CĐ-CK2	2.5	4.0	4.0	3.5
257	BK05420	13D2010129	Phạm Văn	Nguyên	20.11.95	Hoài Nhơn, Bình Định	13CĐ-CK2	2.5	4.0	4.0	3.5
258	BK05457	13D301Đ198	Hoàng Chí	Nguyễn	11.06.95	Năm Căn, Cà Mau	13CĐ-Đ2	6.5	7.0	6.0	6.5
259	BK05022	12D201P045	Lê Song Trang	Nhã	01.06.94	Quảng Ngãi	12CĐ-TP1	6.0	8.0	5.0	6.5
260	BK05142	13D3010077	Lâm Trọng	Nhân	04.09.95	Chợ Lách, Bến Tre	13CĐ-ĐT1	6.5	7.0	4.0	6.0
261	BK05340	13D201M044	Nguyễn Trọng	Nhân	21.09.95	Long An	13CĐ-TM2	5.0	8.0	7.5	6.5
262	BK05179	13D3010078	Võ Phước	Nhân	12.05.95	Bến Tre	13CĐ-ĐT2	5.5	7.0	5.0	6.0
263	BK05005	12D301Đ096	Huỳnh Hữu	Nhất	19.07.94	Bình Định	12CĐ-Đ2	4.0	3.5	5.0	4.0
264	BK05365	13D201P053	Nguyễn	Nhật	21.09.93	Đồng Nai	13CĐ-TP2	6.0	6.5	7.0	6.5
265	BK05518	13D201P055	Phan Minh	Nhật	24.06.95	Đắk Lắk	13CĐ-TP2	4.0	7.5	8.0	6.0
266	BK05383	13D201M088	Trần Mạnh	Nhi	03.09.95	Đồng Nai	13CĐ-TM1	4.5	3.5	5.0	4.5
267	BK05327	13D201M045	Lê Hữu	Nhơn	15.01.95	TP. Hồ Chí Minh	13CĐ-TM1	6.0	9.5	7.0	7.0
268	BK05208	13D2040065	Mai Thị Huỳnh	Như	01.08.95	Long An	13CĐ-M	6.0	6.0	4.0	5.5
269	BK05209	13D2040030	Lê Thị	Nhung	08.10.95	Thanh Hóa	13CĐ-M	6.0	7.0	5.0	6.0
270	BK05210	13D2040031	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	04.06.95	Lâm Đồng	13CĐ-M	6.0	5.5	6.0	6.0
271	BK05302	13D2050140	Lê Văn	Nhường	26.12.95	Quảng Ngãi	13CĐ-Ô3	4.5	6.5	4.5	5.0
272	BK05143	13D3010079	Hồ Đình	Nhựt	07.02.95	Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	13CĐ-ĐT1	6.5	8.0	4.0	6.5
273	BK05421	13D2010139	Đặng Nguyễn Hoài	Ninh	08.12.95	Cam Ranh, Khánh Hòa	13CĐ-CK2	3.5	3.5	6.0	4.0
274	BK05508	13D201M046	Nguyễn Đoàn Thanh	Pháp	28.06.95	Bình Định	13CĐ-TM2	7.0	7.0	6.0	7.0
275	BK05180	13D3010081	Huỳnh Tấn	Phát	20.02.95	Ninh Thuận	13CĐ-ĐT2	5.5	8.0	5.0	6.0
276	BK05430	13D2010140	Lê Quang	Phát	04.06.94	Đồng Nai	13CĐ-CK3	3.0	4.5	4.0	4.0
277	BK05502	13D201M047	Lê Văn	Phát	19.10.95	An Giang	13CĐ-TM1	6.5	7.0	7.0	7.0
278	BK05451	13D301Đ097	Nguyễn Thành	Phát	23.10.95	Quảng Ngãi	13CĐ-Đ1	6.0	6.5	6.0	6.0
279	BK05239	13D2060039	Lê Hồng	Phi	27.07.93	Tuy Hòa, Phú Yên	13CĐ-NL1	4.0	6.0	4.0	4.5
280	BK05543	13D2050144	Lê Quang	Phi	18.10.95	Bình Thuận	13CĐ-Ô2	6.0	7.0	4.0	6.0

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
281	BK05118	13D301Đ098	Hồ Sỹ	Phong	06.04.94	Bình Long, Sông Bé	13CĐ-Đ2	7.0	7.5	4.0	6.5
282	BK05044	13D2010143	Nguyễn Văn	Phong	01.06.95	Trảng Bàng, Tây Ninh	13CĐ-CK1	6.5	7.0	4.0	6.0
283	BK05431	13D2010145	Phạm Huỳnh Nga	Phong	06.10.94	Long An	13CĐ-CK3	2.5	6.0	5.0	4.0
284	BK05181	13D3010084	Võ Trần Vũ	Phong	23.10.95	Long An	13CĐ-ĐT2	5.0	7.5	6.0	6.0
285	BK05422	13D2010147	Hán Văn	Phú	20.11.94	Ninh Phước, Ninh Thuận	13CĐ-CK2	2.5	3.5	5.0	3.5
286	BK05390	13D2050147	Nguyễn Dương Hoàng	Phúc	14.06.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô2	4.0	4.0	5.0	4.5
287	BK05045	13D2010153	Nguyễn Hoàng	Phúc	04.10.94	Cần Đước, Long An	13CĐ-CK1	7.0	7.0	5.0	6.5
288	BK05063	13D2010154	Nguyễn Thanh	Phúc	12.10.95	Xuân Lộc, Đồng Nai	13CĐ-CK2	6.5	9.0	7.0	7.5
289	BK05240	13D2060041	Nguyễn Văn	Phúc	07.11.95	Lý Sơn, Quảng Ngãi	13CĐ-NL1	4.0	5.5	7.0	5.0
290	BK05182	13D3010181	Trần Đức	Phúc	02.02.94	Đồng Nai	13CĐ-ĐT2	6.0	8.5	5.0	6.5
291	BK05144	13D3010091	Võ Thế	Phúc	18.03.95	Lâm Đồng	13CĐ-ĐT1	7.0	8.5	4.0	6.5
292	BK05183	13D3010162	Võ Trường	Phúc	08.09.95	Gò Công	13CĐ-ĐT2	6.5	7.5	7.0	7.0
293	BK05093	13D2010156	Trương Hoàng	Phục	11.06.95	Long An	13CĐ-CK4	6.0	9.0	5.0	6.5
294	BK05341	13D201M050	Đặng Minh	Phụng	05.09.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CĐ-TM2	4.5	8.0	5.0	5.5
295	BK05064	13D2010157	Đỗ Hữu	Phước	17.09.94	Bình Dương	13CĐ-CK2	6.5	8.5	8.0	7.5
296	BK05262	13D2050151	Mai Hữu	Phước	29.12.94	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô1	5.5	6.5	6.5	6.0
297	BK05184	13D3010093	Nguyễn Đại	Phước	15.03.95	Tây Ninh	13CĐ-ĐT2	7.5	7.5	8.0	7.5
298	BK05119	13D301Đ106	Trần Hữu	Phước	19.06.95	Long Hải, BR-VT	13CĐ-Đ2	7.0	8.0	5.0	7.0
299	BK05480	13D2050152	Trần Văn	Phước	13.09.95	Đắk Lắk	13CĐ-Ô2	3.0	5.0	6.0	4.5
300	BK05211	13D2040033	Cao Thị Ngọc	Phương	28.05.95	Bình Định	13CĐ-M	5.5	5.5	6.0	5.5
301	BK05467	13D3010096	Hoàng Minh	Phương	14.09.93	Bình Phước	13CĐ-ĐT2	5.5	5.0	5.0	5.5
302	BK05074	13D2010160	Lê Minh	Phương	01.12.95	Tiền Giang	13CĐ-CK3	5.5	8.5	4.0	6.0
303	BK05288	13D2050282	Nguyễn Mạnh	Phương	20.08.94	Tây Ninh	13CĐ-Ô2	7.5	6.5	7.0	7.0
304	BK05145	13D3010098	Nguyễn Minh	Phương	20.03.94	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CĐ-ĐT1	7.0	7.0	5.0	6.5
305	BK05241	13D2060043	Đặng Vinh	Quan	16.02.95	Long An	13CĐ-NL1	4.0	5.5	5.0	4.5
306	BK05490	13D2050155	Lê Văn	Quân	10.10.95	Bến Tre	13CĐ-Ô3	6.5	7.0	6.0	6.5
307	BK05536	12D2060054	Lương Thế	Quân	05.12.93	Bình Định	12CĐ-NL1	4.0	6.5	0.0	3.5
308	BK05391	13D2050156	Nguyễn Hoàng	Quân	25.12.95	Xuân Lộc, Đồng Nai	13CĐ-Ô1	4.0	3.5	4.0	4.0
309	BK05075	13D2010162	Trần	Quân	10.05.95	Tây Sơn, Bình Định	13CĐ-CK3	6.5	8.5	5.0	6.5
310	BK05548	12D201P054	Đặng Minh	Quang	20.11.91	Ninh Thuận	12CĐ-TP1	5.0	5.0	5.0	5.0
311	BK05023	12D201P055	Trần Hữu	Quang	10.07.93	Đồng Nai	12CĐ-TP1	6.5	8.0	5.0	6.5
312	BK05538	13D2050158	Đặng Anh	Qui	18.08.94	Ba Tri, Bến Tre	13CĐ-Ô3	5.0	7.0	4.0	5.5

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
313	BK05481	13D2050159	Nguyễn Đức	Quí	14.02.94	Tây Ninh	13CĐ-Ô2	3.5	5.5	4.0	4.0
314	BK05458	13D301Đ110	Đỗ Đăng	Quốc	19.01.95	Kom Tum	13CĐ-Đ2	6.5	7.0	6.0	6.5
315	BK05076	13D2010167	Nguyễn Thành	Quý	14.10.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-CK3	5.5	7.5	5.0	6.0
316	BK05396	13D3010100	Phạm Duy	Quý	23.02.95	Lâm Đồng	13CĐ-ĐT2	3.0	4.0	4.0	3.5
317	BK05263	13D2050161	Trần	Quý	21.07.94	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CĐ-Ô1	6.0	7.0	7.0	6.5
318	BK05146	13D3010101	Vòng Đông	Quý	09.02.94	Đồng Nai	13CĐ-ĐT1	6.0	7.5	4.0	6.0
319	BK05242	13D2060047	Võ Thành	Quyên	11.04.94	An Nhơn, Bình Định	13CĐ-NL1	4.5	5.5	4.0	4.5
320	BK05433	13D2010170	Cáp Minh	Quyên	20.02.95	Bình Định	13CĐ-CK3	3.0	3.5	8.0	4.5
321	BK05185	13D3010182	Lê Thanh	Quyên	13.05.95	Cái Bè, Tiền Giang	13CĐ-ĐT2	7.5	8.5	7.0	7.5
322	BK05303	13D2050163	Nguyễn Hồng	Sang	22.07.95	Long An	13CĐ-Ô3	4.5	5.5	8.0	5.5
323	BK05065	13D2010174	Nguyễn Thanh	Sang	26.01.95	Tân Hiệp, Kiên Giang	13CĐ-CK2	6.0	8.5	6.0	6.5
324	BK05289	13D2050164	Phan Văn	Sang	28.06.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô2	7.5	7.5	6.0	7.0
325	BK05409	13D2010173	Nguyễn	Sáng	29.07.94	Tuy Phong, Bình Thuận	13CĐ-CK1	3.0	5.0	5.0	4.0
326	BK05434	13D2010175	Đoàn	Sĩ	11.11.94	Xuân Lộc, Đồng Nai	13CĐ-CK3	3.0	5.0	5.0	4.0
327	BK05243	13D2060049	Đỗ Ngọc	Sịn	04.02.95	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CĐ-NL1	5.5	5.5	5.0	5.5
328	BK05264	13D2050166	Huỳnh Văn	Sinh	12.11.95	Phú Quý, Bình Thuận	13CĐ-Ô1	6.0	7.0	5.0	6.0
329	BK05482	13D2050283	Bùi Ngọc	Sơn	19.09.94	Đắk Lắk	13CĐ-Ô2	3.5	5.5	4.0	4.0
330	BK05483	13D2050167	Lê Hồng	Sơn	02.05.93	Tiền Giang	13CĐ-Ô2	2.5	3.5	4.0	3.0
331	BK05006	12D301Đ116	Nguyễn Văn	Sơn	30.01.94	Bình Thuận	12CĐ-Đ2	4.0	4.0	4.0	4.0
332	BK05077	13D2010177	Trần Đình	Sơn	10.04.95	Bình Định	13CĐ-CK3	5.5	7.5	5.0	6.0
333	BK05519	13D201P070	Trần Văn	Sơn	15.02.95	An Giang	13CĐ-TP2	4.5	7.0	7.0	6.0
334	BK05534	13D201M083	Mai Thanh	Song	05.08.95	Bình Thuận	13CĐ-TM2	6.5	8.0	4.0	6.5
335	BK05147	13D3010107	Ngô Văn	Tạc	26.01.95	Xuân Trường, Nam Định	13CĐ-ĐT1	6.0	6.0	4.0	5.5
336	BK05010	11D0060156	Đinh Thành	Tài	01.04.91	Mình Hải	12CĐ-ĐT1	6.0	7.0	6.0	6.5
337	BK05342	13D201M054	Huỳnh Văn	Tài	05.04.94	Đồng Tháp	13CĐ-TM2	5.0	7.5	6.0	6.0
338	BK05131	13D301Đ119	Lưu Đức	Tài	01.08.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Đ3	7.0	7.5	7.0	7.0
339	BK05148	13D3010110	Phan Chí	Tài	15.02.95	Sa Đéc, Đồng Tháp	13CĐ-ĐT1	6.5	7.5	4.0	6.0
340	BK05401	12D2010136	Tăng Đức	Tài	05.11.94	Tp.Hồ Chí Minh	12CĐ-CK1	3.5	4.0	6.0	4.5
341	BK05524	13D2050170	Trần Ngọc	Tài	03.09.93	Ninh Thuận	13CĐ-Ô3	5.5	7.0	5.0	6.0
342	BK05343	13D201M082	Nguyễn Minh	Tâm	04.07.94	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-TM2	5.0	6.5	7.0	6.0
343	BK05265	13D2050171	Nguyễn Minh	Tâm	05.05.94	TP.Hồ Chí Minh □	13CĐ-Ô1	6.0	6.5	8.5	7.0
344	BK05531	13D2010181	Nguyễn Thanh	Tâm	06.11.94	Long An	13CĐ-CK4	6.5	6.5	4.0	6.0

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
345	BK05186	13D3010112	Nguyễn Thành	Tâm	12.04.95	Long An	13CĐ-ĐT2	6.0	8.5	5.0	6.5
346	BK05459	13D301Đ122	Nguyễn Thành	Tâm	18.07.95	Thuận An, Sông Bé	13CĐ-Đ2	6.5	6.0	4.0	6.0
347	BK05078	13D2010182	Phạm Minh	Tâm	05.09.95	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CĐ-CK3	6.0	7.5	6.0	6.5
348	BK05357	13D201P109	Phan Thị	Tâm	01.06.95	Hà Tĩnh	13CĐ-TP1	4.0	7.0	6.0	5.5
349	BK05111	13D301Đ124	Cao Nguyễn Nhật	Tân	02.12.95	Bến Tre	13CĐ-Đ1	7.0	6.5	6.0	6.5
350	BK05007	12D301Đ120	Đỗ Như	Tân	27.05.92	ĐăkLăk	12CĐ-Đ2	5.5	5.0	5.0	5.5
351	BK05120	13D301Đ125	Nguyễn Minh	Tân	05.11.95	Châu Thành, Tiền Giang	13CĐ-Đ2	7.0	7.0	5.0	6.5
352	BK05187	13D3010115	Nguyễn Minh	Tân	11.12.95	Đăk Lăk	13CĐ-ĐT2	7.0	8.5	5.0	7.0
353	BK05328	13D201M057	Nguyễn Minh	Tân	29.03.95	TP. Hồ Chí Minh	13CĐ-TM1	6.5	9.5	8.0	7.5
354	BK05442	13D2010288	Nguyễn Quý	Tân	24.04.95	Đồng Tháp	13CĐ-CK4	2.5	3.0	8.0	4.0
355	BK05094	13D2010289	Nguyễn Văn	Tây	21.05.93	Hoài Nhơn, Bình Định	13CĐ-CK4	6.0	9.0	6.0	7.0
356	BK05372	13D2010186	Nguyễn Văn	Thạch	07.03.95	Đồng Nai	13CĐ-CK4	2.5	3.0	5.0	3.5
357	BK05079	13D2010187	Lê Quang	Thái	18.03.95	Bến Tre	13CĐ-CK3	6.0	8.5	6.0	6.5
358	BK05385	13D201M109	Phạm Hữu	Thận	15.05.95	Bình Định	13CĐ-TM1	3.0	4.0	4.0	3.5
359	BK05095	13D2010294	Tôn Đức	Thắng	03.10.94	Hà Tĩnh	13CĐ-CK4	6.0	9.0	6.0	7.0
360	BK05046	13D2010188	Dương Hải	Thắng	10.06.94	Cư M'gar, Đăk Lăk	13CĐ-CK1	6.5	6.0	5.0	6.0
361	BK05066	13D2010219	Huỳnh Quang	Thắng	06.06.95	Đức Phổ, Quảng Ngãi	13CĐ-CK2	6.0	8.0	5.0	6.5
362	BK05149	13D3010117	Lê Chí Hoàng	Thắng	18.04.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-ĐT1	7.0	8.0	7.0	7.5
363	BK05511	13D201P075	Lê Đình	Thắng	08.10.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-TP1	6.0	7.0	9.0	7.0
364	BK05290	13D2050178	Lưu Công	Thắng	22.07.95	Phù Mỹ, Bình Định	13CĐ-Ô2	8.0	7.0	7.0	7.5
365	BK05188	13D3010118	Nguyễn Công	Thắng	11.03.94	Sông Bé	13CĐ-ĐT2	7.0	8.5	4.0	6.5
366	BK05112	13D301Đ130	Nguyễn Việt	Thắng	07.03.95	Tiền Giang	13CĐ-Đ1	6.5	6.5	5.0	6.0
367	BK05435	13D2010190	Phạm Văn	Thắng	27.07.94	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CĐ-CK3	2.5	4.0	5.0	3.5
368	BK05266	13D2050181	Trần Việt	Thắng	02.01.94	Trảng Bàng, Tây Ninh	13CĐ-Ô1	6.5	4.5	4.5	5.5
369	BK05304	13D2050185	Lê Hoài	Thanh	06.07.95	Quảng Ngãi	13CĐ-Ô3	4.0	6.0	6.0	5.0
370	BK05549	13D2050188	Nguyễn Hoài	Thanh	25.01.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô2	5.5	7.5	4.0	5.5
371	BK05080	13D2010195	Nguyễn Văn Chí	Thanh	21.03.95	Tiền Giang	13CĐ-CK3	6.0	9.0	6.0	7.0
372	BK05132	13D301Đ135	Phan Duy	Thanh	07.03.95	Long An	13CĐ-Đ3	7.5	7.5	5.0	7.0
373	BK05443	13D2010196	Phùng Hữu	Thanh	27.10.95	Bình Phước	13CĐ-CK4	2.5	3.5	4.0	3.0
374	BK05470	13D2040037	Trần Đăng Bích	Thanh	01.01.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CĐ-M	6.5	3.5	4.0	5.0
375	BK05452	13D301Đ136	Trần Minh	Thanh	07.07.95	Lý Sơn - Quảng Ngãi	13CĐ-Đ1	6.5	6.0	7.0	6.5
376	BK05436	13D2010198	Trương Nhật	Thanh	05.06.95	Tiền Giang	13CĐ-CK3	3.0	3.0	5.0	3.5

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
377	BK05150	13D3010120	Bùi Văn	Thành	08.09.93	Cư Jút, Đắk Nông	13CĐ-ĐT1	6.5	7.5	4.0	6.0
378	BK05468	13D3010121	Đặng Xuân	Thành	16.02.95	Bình Định	13CĐ-ĐT2	4.5	5.5	6.0	5.0
379	BK05244	13D2060053	Hồ Tấn	Thành	11.04.95	An Nhơn, Bình Định	13CĐ-NL1	5.5	5.5	5.0	5.5
380	BK05509	13D201M058	Mai Công	Thành	20.12.95	Khánh Hòa	13CĐ-TM2	7.0	7.0	4.0	6.5
381	BK05539	13D2050189	Nguyễn Hữu	Thành	18.04.95	Bình Định	13CĐ-Ô2	5.0	7.0	4.0	5.5
382	BK05460	13D301Đ134	Nguyễn Lê Trung	Thành	27.02.95	Bến Tre	13CĐ-Đ2	6.0	6.0	6.0	6.0
383	BK05491	13D2050190	Nguyễn Tấn	Thành	03.03.94	Bình Thuận	13CĐ-Ô3	6.0	6.0	6.0	6.0
384	BK05410	13D2010193	Nguyễn Tấn	Thành	12.01.95	Đức Huệ, Long An	13CĐ-CK1	3.0	4.5	5.0	4.0
385	BK05121	13D301Đ137	Trần Phúc	Thành	12.08.95	Tuy Phước, Bình Định	13CĐ-Đ2	6.5	7.0	4.0	6.0
386	BK05358	13D201P077	Hồ Nguyễn Thanh	Thảo	06.02.95	Bình Thuận	13CĐ-TP1	6.0	7.5	7.0	6.5
387	BK05151	13D3010122	Nguyễn Thạch	Thảo	08.08.95	Bù Đăng, Bình Phước	13CĐ-ĐT1	6.5	9.0	5.0	7.0
388	BK05453	13D301Đ169	Nguyễn Thanh	Thảo	20.07.94	Lâm Đồng	13CĐ-Đ1	4.0	4.5	5.0	4.5
389	BK05212	13D2040039	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	13.11.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-M	5.0	7.0	7.0	6.0
390	BK05526	13D2050277	Trần Thanh	Thảo	10.10.93	Phú Yên	13CĐ-Ô3	6.0	7.0	7.0	6.5
391	BK05213	13D2040041	Vương Hào	Thảo	18.11.94	Bình Định	13CĐ-M	5.0	6.5	4.0	5.0
392	BK05152	13D3010123	Phạm Văn	Thế	20.09.95	Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	13CĐ-ĐT1	6.0	9.0	4.0	6.5
393	BK05366	13D201P078	Nguyễn Trường	Thị	12.10.95	Bình Định	13CĐ-TP2	4.0	6.0	5.0	5.0
394	BK05067	13D2010199	Đinh Xuân	Thiện	06.08.95	Đức Linh, Bình Thuận	13CĐ-CK2	6.5	8.5	4.0	6.5
395	BK05437	13D2010200	Nguyễn	Thiện	06.08.95	Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	13CĐ-CK3	3.0	3.5	5.0	3.5
396	BK05529	13D201M060	Nguyễn Trung	Thiện	02.03.95	Bình Dương	13CĐ-TM2	5.5	7.0	5.0	6.0
397	BK05122	13D301Đ140	Phạm Hoàng	Thiện	06.11.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Đ2	7.0	8.0	5.0	7.0
398	BK05520	13D201P114	Trần Minh	Thiện	30.09.95	Long An	13CĐ-TP2	3.5	7.5	8.0	5.5
399	BK05367	13D201P123	Trần Xuân	Thiện	08.04.94	Bình Thuận	13CĐ-TP2	6.0	6.0	6.0	6.0
400	BK05081	13D2010268	Võ Hoàng	Thiện	21.07.95	Sông Bé	13CĐ-CK3	6.0	8.0	5.0	6.5
401	BK05438	13D2010202	Lê Đình	Thịnh	02.08.94	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CĐ-CK3	4.0	3.0	7.0	4.5
402	BK05153	13D3010125	Nguyễn Ngọc Huy	Thịnh	09.05.93	TP. Hồ Chí Minh	13CĐ-ĐT1	7.0	9.0	9.0	8.0
403	BK05344	13D201M062	Nguyễn Tấn	Thịnh	20.03.95	Quảng Ngãi	13CĐ-TM2	4.5	7.0	5.0	5.5
404	BK05423	13D2010204	Phạm Công	Thịnh	05.10.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CĐ-CK2	2.5	3.0	5.0	3.5
405	BK05510	13D201M064	Lê Trường	Thọ	07.04.95	Bình Định	13CĐ-TM2	6.5	7.0	6.0	6.5
406	BK05484	13D2050198	Nguyễn Xuân	Thọ	13.06.95	Đức Linh, Bình Thuận	13CĐ-Ô2	3.5	5.0	5.0	4.5
407	BK05082	13D2010205	Phạm Tấn	Thọ	20.12.95	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	13CĐ-CK3	6.5	8.0	5.0	6.5
408	BK05291	13D2050199	Nguyễn Ngọc	Thoại	07.12.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô2	7.5	7.0	8.0	7.5

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
409	BK05444	13D2010206	Nguyễn Quang	Thơm	20.08.94	Bình Định	13CĐ-CK4	6.0	7.5	4.0	6.0
410	BK05492	13D2050202	Đỗ Thị Cẩm	Thu	09.04.95	Long An	13CĐ-Ô3	6.0	4.0	7.0	6.0
411	BK05214	13D2040043	Trần Thị Lệ	Thu	08.05.94	Bình Thuận	13CĐ-M	5.5	5.0	6.0	5.5
412	BK05215	13D2040042	Lê Thị Mai	Thư	20.08.95	Bến Tre	13CĐ-M	5.0	3.5	6.0	5.0
413	BK05463	13D301Đ144	Lê Văn	Thuần	20.06.95	Lê Thủy, Quảng Bình	13CĐ-Đ3	5.5	5.0	7.0	6.0
414	BK05378	13D201M067	Ngô Minh	Thuận	09.12.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-TM1	4.0	5.0	5.0	4.5
415	BK05083	13D2010265	Nguyễn Duy	Thuận	26.06.95	Bến Tre	13CĐ-CK3	6.5	9.0	6.0	7.0
416	BK05189	13D3010127	Nguyễn Ngọc	Thuận	31.01.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-ĐT2	7.0	8.5	8.0	7.5
417	BK05359	13D201P083	Nguyễn Văn	Thuận	01.06.94	Long An	13CĐ-TP1	5.5	8.0	6.0	6.5
418	BK05411	13D2010211	Nguyễn Văn	Thuận	12.09.94	Tân Hồng, Đồng Tháp	13CĐ-CK1	4.5	3.5	5.0	4.5
419	BK05123	13D301Đ146	Nguyễn Văn	Thuận	12.08.95	Đức Linh, Bình Thuận	13CĐ-Đ2	6.5	8.0	7.0	7.0
420	BK05154	13D3010128	Vũ Duy	Thuận	12.03.93	Tân Hiệp, Kiên Giang	13CĐ-ĐT1	6.0	9.0	4.0	6.5
421	BK05155	13D3010129	Ngô Công	Thuật	09.06.94	Krông Bông, Đắk Lắk	13CĐ-ĐT1	6.0	9.0	4.0	6.5
422	BK05493	13D2050205	Nguyễn Thành	Thức	24.03.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô3	6.0	7.0	7.0	6.5
423	BK05485	13D2050206	Thượng Công	Thức	01.01.95	Bến Tre	13CĐ-Ô2	3.0	5.0	5.0	4.0
424	BK05245	13D2060055	Lê Song	Thương	08.03.95	Tánh Linh, Bình Thuận	13CĐ-NL1	5.0	6.0	6.0	5.5
425	BK05292	13D2050209	Trần Văn	Thương	27.09.95	Bình Thuận	13CĐ-Ô2	7.5	7.0	6.0	7.0
426	BK05190	13D3010130	Huỳnh Văn	Thưởng	08.08.95	Tiền Giang	13CĐ-ĐT2	6.5	8.0	8.0	7.5
427	BK05412	13D2010213	Phạm Văn	Thủy	12.01.95	Long Hà, Bình Phước	13CĐ-CK1	3.0	1.0	4.0	3.0
428	BK05216	13D2040046	Lưu Thị Thủy	Tiên	18.10.95	Long An	13CĐ-M	4.0	7.0	4.0	5.0
429	BK05156	13D3010131	Nguyễn Duy	Tiên	02.01.95	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CĐ-ĐT1	6.0	8.5	4.0	6.0
430	BK05047	13D2010218	Nguyễn Xuân	Tiên	15.02.95	Xuân Lộc Đồng Nai	13CĐ-CK1	7.0	8.0	6.0	7.0
431	BK05345	13D201M068	Nguyễn Minh	Tiến	20.09.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-TM2	5.5	7.5	7.0	6.5
432	BK05267	13D2050211	Phạm Minh	Tiến	01.01.95	Cần Đước, Long An	13CĐ-Ô1	6.5	4.0	5.0	5.5
433	BK05305	13D2050212	Phạm Minh	Tiến	17.01.95	Tiền Giang	13CĐ-Ô3	5.0	6.5	4.0	5.0
434	BK05521	13D201P087	Trần Minh	Tiến	27.02.95	Tây Ninh	13CĐ-TP2	3.5	7.5	6.0	5.0
435	BK05494	13D2050213	Trịnh Văn	Tiến	06.11.94	Thịệu Hóa, Thanh Hóa	13CĐ-Ô3	6.0	7.0	7.0	6.5
436	BK05413	13D2010223	Nguyễn Trọng	Tín	15.12.95	Tiền Giang	13CĐ-CK1	2.5	3.0	6.0	3.5
437	BK05191	13D3010133	Nguyễn Trung	Tín	10.05.95	Đồng Nai	13CĐ-ĐT2	6.0	7.0	6.0	6.5
438	BK05068	13D2010224	Trần Chánh	Tín	06.04.95	Hoài Nhơn, Bình Định	13CĐ-CK2	6.5	8.5	4.0	6.5
439	BK05268	13D2050216	Lương Văn	Tình	01.01.95	Tánh Linh, Bình Thuận	13CĐ-Ô1	6.5	6.5	5.0	6.0
440	BK05306	13D2050217	Nguyễn Đạo	Tĩnh	06.11.95	Quảng Trị	13CĐ-Ô3	5.0	6.0	7.0	6.0

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
441	BK05157	13D3010134	Đào Hữu	Toàn	18.11.95	Kom Tum	13CĐ-ĐT1	5.5	8.5	6.0	6.5
442	BK05346	13D201M090	Đỗ Khánh	Toàn	10.08.95	Nam Hà	13CĐ-TM2	5.0	6.5	7.0	6.0
443	BK05347	13D201M103	Lê Phú	Toàn	03.05.95	Ninh Thuận	13CĐ-TM2	5.0	7.5	7.0	6.0
444	BK05495	13D2050285	Nguyễn Mạnh	Toàn	09.01.95	Đắk Lắk	13CĐ-Ô3	6.5	7.0	5.0	6.5
445	BK05158	13D3010135	Nguyễn Minh	Toàn	30.09.95	Phù Mỹ, Bình Định	13CĐ-ĐT1	5.5	8.5	4.0	6.0
446	BK05293	13D2050219	Nguyễn Văn	Toàn	09.11.95	Bình Định	13CĐ-Ô2	5.5	5.5	6.0	5.5
447	BK05307	13D2050220	Phan Anh	Toàn	06.09.94	Đắk Lắk	13CĐ-Ô3	5.0	8.5	5.0	6.0
448	BK05097	13D2010226	Trần Minh	Toàn	28.08.94	Long An	13CĐ-CK4	5.5	7.5	5.0	6.0
449	BK05369	13D3010137	Phan Tấn	Tối	19.05.95	Long An	13CĐ-ĐT1	5.0	3.5	7.0	5.0
450	BK05159	13D3010138	Lê Quang	Trãi	15.01.95	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CĐ-ĐT1	6.5	8.5	7.0	7.0
451	BK05217	13D2040047	Lý Mỹ	Trâm	09.09.95	Đồng Nai	13CĐ-M	5.0	7.5	6.0	6.0
452	BK05218	13D2040049	Trần Bảo	Trân	19.10.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-M	5.0	5.0	6.0	5.5
453	BK05219	13D2040050	Lý Ngọc	Trang	18.12.95	Đồng Nai	13CĐ-M	5.0	5.0	5.0	5.0
454	BK05192	13D3010174	Trần Quốc	Trạng	10.03.95	Hoài Nhơn, Bình Định	13CĐ-ĐT2	6.0	7.0	6.0	6.5
455	BK05048	13D2010227	Nguyễn Văn	Trao	24.06.94	Ninh Hải, Ninh Thuận	13CĐ-CK1	6.5	5.5	5.0	6.0
456	BK05049	13D2010228	Đỗ Thượng	Trí	26.11.94	Phù Mỹ, Bình Định	13CĐ-CK1	6.5	5.5	5.0	6.0
457	BK05424	13D2010229	Lê Minh	Trí	09.07.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-CK2	2.5	3.5	5.0	3.5
458	BK05269	12D2050084	Nguyễn Minh	Trí	01.09.94	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô1	6.0	5.5	8.5	6.5
459	BK05496	13D2050222	Nguyễn Thành	Trí	24.03.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô3	7.5	7.0	6.0	7.0
460	BK05098	13D2010231	Trịnh Minh	Trí	30.01.95	Bến Tre	13CĐ-CK4	6.0	5.5	6.0	6.0
461	BK05548	13D301Đ154	Võ Đức	Trí	17.08.95	Bến Tre	13CĐ-Đ1	4.0	7.0	4.0	5.0
462	BK05124	13D301Đ155	Hồ Huynh	Triệu	27.10.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CĐ-Đ2	7.0	8.0	7.0	7.5
463	BK05542	13D2010232	Nguyễn Ngọc	Triệu	16.06.95	Phù Cát, Bình Định	13CĐ-CK4	5.5	7.0	4.0	5.5
464	BK05294	13D2050224	Nguyễn Quốc	Triệu	02.08.94	Tây Ninh	13CĐ-Ô2	6.0	7.0	6.0	6.5
465	BK05220	13D2040051	Tạ Thị Tuyết	Trinh	03.02.95	Phú Yên	13CĐ-M	4.5	4.0	5.0	4.5
466	BK05221	13D2040063	Trần Thị Ngọc	Trinh	04.12.95	Bình Định	13CĐ-M	4.0	3.5	6.0	4.5
467	BK05308	13D2050225	Đình Xuân	Trọng	14.12.94	Bình Thuận	13CĐ-Ô3	4.5	8.0	6.0	6.0
468	BK05379	13D201M071	Lường Văn	Trọng	20.06.93	Thanh Hóa	13CĐ-TM1	5.0	4.5	5.0	5.0
469	BK05270	13D2050226	Nguyễn Đức	Trọng	15.08.95	Bến Cát, Bình Dương	13CĐ-Ô1	6.0	5.0	4.5	5.5
470	BK05381	13D201M084	Phạm Gia Đức	Trọng	11.03.95	Bình Thuận	13CĐ-TM1	5.0	4.0	5.0	5.0
471	BK05050	13D2010233	Đặng Quốc	Trung	07.09.95	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CĐ-CK1	6.5	5.0	5.0	6.0
472	BK05400	13D301Đ158	Đỗ Tiến	Trung	02.01.94	Thống Nhất, Đồng Nai	13CĐ-Đ2	4.0	5.0	5.0	4.5

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
473	BK05497	13D2050227	Đoàn Quang	Trung	18.02.95	Đồng Nai	13CĐ-Ô3	7.5	7.0	6.0	7.0
474	BK05069	13D2010234	Hồ Văn	Trung	15.08.94	Đức Linh, Bình Thuận	13CĐ-CK2	7.0	9.0	6.0	7.5
475	BK05486	13D2050229	Nguyễn Thành	Trung	20.02.95	Bình Định	13CĐ-Ô2	5.0	5.0	5.0	5.0
476	BK05309	13D2050230	Nguyễn Toàn	Trung	14.09.94	Bình Thuận	13CĐ-Ô3	4.5	8.0	5.0	5.5
477	BK05125	13D301Đ161	Phạm Minh	Trung	27.07.95	Chợ Gạo, Tiền Giang	13CĐ-Đ2	6.5	8.0	6.0	7.0
478	BK05099	13D2010236	Võ Hoàng	Trung	02.10.95	Quảng Ngãi	13CĐ-CK4	6.0	7.5	6.0	6.5
479	BK05051	13D2010238	Lê Ngọc Vũ	Trường	27.07.95	Bình Thuận	13CĐ-CK1	6.0	6.5	4.0	5.5
480	BK05160	13D3010144	Trần Nhựt	Trường	30.07.95	Châu Thành, Bến Tre	13CĐ-ĐT1	7.0	9.0	6.0	7.5
481	BK05126	13D301Đ164	Đàm Quốc	Tú	10.01.94	Duy Tiên, Hà Nam	13CĐ-Đ2	7.0	8.0	4.0	6.5
482	BK05474	13D2050236	Hà Anh	Tú	05.06.94	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô1	5.5	6.0	5.0	5.5
483	BK05512	13D201P095	Huỳnh Minh	Tú	26.05.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-TP1	5.0	7.0	8.0	6.5
484	BK05348	13D201M072	Lê Thị Cẩm	Tú	08.10.94	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-TM2	5.0	7.5	8.0	6.5
485	BK05193	13D3010145	Nguyễn Anh	Tú	20.09.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-ĐT2	5.5	5.0	8.0	6.0
486	BK05445	13D2010242	Trần Ngọc	Tú	13.10.94	Bình Thuận	13CĐ-CK4	6.0	7.5	5.0	6.0
487	BK05310	13D2050238	Trương Công	Tú	10.03.93	Đắk Lắk	13CĐ-Ô3	4.5	7.0	7.0	6.0
488	BK05161	13D3010146	Võ Duy	Tú	16.02.95	H.Ea Kar, T.Đắk Lắk	13CĐ-ĐT1	6.5	8.5	5.0	6.5
489	BK05084	13D2010245	Huỳnh Văn	Tuấn	15.11.94	Bến Tre	13CĐ-CK3	6.0	9.0	5.0	6.5
490	BK05329	13D201M073	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	06.12.95	Tiền Giang	13CĐ-TM1	5.5	8.0	6.0	6.5
491	BK05546	12D301Đ159	Lê Thanh Anh	Tuấn	06.06.94	Ninh Thuận	12CĐ-Đ2	6.0	7.0	4.0	6.0
492	BK05535	13D201M074	Nguyễn Hoàng	Tuấn	29.04.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-TM2	6.0	8.0	5.0	6.5
493	BK05311	13D2050242	Phạm Hoàng Anh	Tuấn	26.09.94	Lâm Đồng	13CĐ-Ô3	3.0	6.5	6.0	4.5
494	BK05271	13D2050288	Phan Đoàn Anh	Tuấn	07.08.94	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CĐ-Ô1	6.5	7.0	8.0	7.0
495	BK05498	13D2050243	Phan Ngọc	Tuấn	04.10.95	Lâm Hà, Lâm Đồng	13CĐ-Ô3	8.0	7.0	9.0	8.0
496	BK05100	13D2010248	Trần Quốc	Tuấn	13.03.95	Đắk Lắk	13CĐ-CK4	6.0	8.5	6.0	6.5
497	BK05127	13D301Đ170	Phan Văn	Tuệ	05.08.93	Lộc Ninh, Sông Bé	13CĐ-Đ2	7.0	7.5	4.0	6.5
498	BK05380	13D201M077	Nguyễn Thanh	Tùng	17.10.95	Phú Yên	13CĐ-TM1	4.0	3.0	4.0	4.0
499	BK05439	13D2010250	Nguyễn Thanh	Tương	10.09.95	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CĐ-CK3	4.0	3.5	7.0	4.5
500	BK05469	13D3010151	Ngô Phi	Tường	20.12.95	Quảng Ngãi	13CĐ-ĐT2	5.0	6.5	4.0	5.0
501	BK05222	13D2040018	Bùi Thị Kim	Tuyển	16.12.94	Đồng Nai	13CĐ-M	6.0	7.0	7.0	6.5
502	BK05499	13D2050303	Nguyễn Minh	Tuyển	06.05.94	Hải Lăng, Quảng Trị	13CĐ-Ô3	7.5	7.0	7.0	7.5
503	BK05052	13D2010253	Bùi Văn	Ty	23.10.95	An Nhơn, Bình Định	13CĐ-CK1	6.5	8.5	5.0	6.5
504	BK05360	13D201P101	Trần Văn	Út	07.06.93	Đắk Lắk	13CĐ-TP1	5.0	7.5	1.0	4.5

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
505	BK05223	13D2040053	Vũ Hoàn Phương	Uyên	26.10.94	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-M	6.5	6.5	6.0	6.5
506	BK05224	13D2040054	Nguyễn Thị Hồng	Vân	05.05.95	Bình Định	13CĐ-M	4.0	5.0	5.0	4.5
507	BK05295	13D2050249	Nguyễn Công	Vĩ	01.10.95	Đắk Lắk	13CĐ-Ô2	5.5	5.0	6.0	5.5
508	BK05312	13D2050250	Nguyễn Quốc	Viên	02.03.95	Bình Định	13CĐ-Ô3	5.0	7.5	6.0	6.0
509	BK05368	13D201P121	Hoàng Quốc	Việt	22.02.95	Lâm Đồng	13CĐ-TP2	6.5	5.5	6.0	6.0
510	BK05272	13D2050251	Nguyễn Hoàng	Việt	28.12.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô1	7.0	8.0	7.5	7.5
511	BK05313	13D2050253	Trần Quốc	Việt	06.10.95	Tuy Phước, Bình Định	13CĐ-Ô3	5.0	7.5	5.0	5.5
512	BK05101	13D2010256	Trần Văn Đại	Việt	15.07.95	Bình Thuận	13CĐ-CK4	6.0	4.0	5.0	5.5
513	BK05446	13D2010257	Hồ Quang	Vinh	10.04.94	Đồng Nai	13CĐ-CK4	6.5	7.0	5.0	6.5
514	BK05296	13D2050254	Huỳnh Lê	Vinh	27.06.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô2	5.0	5.0	7.0	5.5
515	BK05314	13D2050255	Lý Quốc	Vinh	17.03.94	Đức Hòa, Long An	13CĐ-Ô3	5.0	7.5	7.0	6.0
516	BK05414	13D2010258	Nguyễn Quang	Vinh	15.09.95	Đức Hòa, Long An	13CĐ-CK1	2.5	3.0	5.0	3.5
517	BK05297	13D2050257	Trịnh Văn	Vinh	01.02.95	Đắk Lắk	13CĐ-Ô2	5.5	4.5	7.0	5.5
518	BK05102	13D2010261	Nguyễn Anh	Vũ	15.02.95	Quảng Ngãi	13CĐ-CK4	6.5	5.0	6.0	6.0
519	BK05532	13D301Đ184	Nguyễn Thanh	Vũ	05.07.95	Bình Thuận	13CĐ-Đ2	4.5	7.0	4.0	5.0
520	BK05447	13D2010262	Nguyễn Trần Tuấn	Vũ	23.09.95	Đồng Tháp	13CĐ-CK4	3.0	3.5	5.0	3.5
521	BK05315	13D2050260	Nguyễn Văn	Vũ	08.11.94	Quảng Bình	13CĐ-Ô3	5.0	6.5	6.0	5.5
522	BK05246	13D2060067	Phạm Trọng	Vũ	15.09.95	Đồng Nai	13CĐ-NL1	5.5	5.5	7.0	6.0
523	BK05128	13D301Đ203	Nguyễn Văn	Vui	15.02.93	T.Thừa Thiên - Huế	13CĐ-Đ2	7.0	8.0	4.0	6.5
524	BK05528	12D3010177	Ngô Đức	Vượng	10.11.94		13CĐ-ĐT2	2.5	4.0	5.0	3.5
525	BK05522	13D201P104	Huỳnh Thị Minh	Vy	04.06.95	Bình Thuận	13CĐ-TP2	4.5	7.0	8.0	6.0
526	BK05129	13D301Đ179	Lương Triều	Vỹ	21.06.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Đ2	7.0	6.0	5.0	6.5
527	BK05544	13D2050262	Hồ Thanh	Xuân	18.10.95	Bình Định	13CĐ-Ô3	6.0	7.0	4.0	6.0
528	BK05225	13D2040056	Huỳnh Thị Thanh	Xuân	30.11.95	Bình Thuận	13CĐ-M	4.5	3.0	7.0	5.0
529	BK05163	13D3010159	Phạm Văn	Xuân	27.06.95	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	13CĐ-ĐT1	6.0	7.0	4.0	6.0
530	BK05349	13D201M106	Trương Huỳnh	Xương	27.07.95	Cà Mau	13CĐ-TM2	7.0	7.0	8.0	7.5
531	BK05471	13D2040067	Lê Thị Như	Ý	14.07.95	Bình Thuận	13CĐ-M	6.5	3.5	7.0	6.0
532	BK05448	13D2010281	Nguyễn Đình	Ý	23.01.95	Tây Sơn, Bình Định	13CĐ-CK4	3.5	4.0	6.0	4.5
533	BK05523	13D201P106	Nguyễn Huỳnh Như	Ý	19.11.95	TP. Hồ Chí Minh	13CĐ-TP2	4.0	8.0	7.0	6.0

Tổng cộng danh sách có 533 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
----	----------------	---------	-----------------	-----------	----------	-----	------------------	--------------	----------	---------

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả
----	----------------	---------	-----------------	-----------	----------	-----	------------------	--------------	----------	---------

A VIỆT NAM
núc

Xếp loại
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Không đạt</i>
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Khá
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Khá
Trung bình
Khá
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Trung bình
<i>Trung bình</i>
<i>Khá</i>
<i>Không đạt</i>
Khá
Trung bình

Xếp loại
Khá
Khá
Khá
Khá
<i>Không đạt</i>
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Không đạt</i>
<i>Không đạt</i>
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Khá
Trung bình
Trung bình
Khá
Trung bình
Trung bình
Khá

Xếp loại
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Trung bình
Khá
<i>Trung bình</i>
Trung bình
<i>Trung bình</i>
<i>Không đạt</i>
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Khá
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Khá
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Trung bình</i>
<i>Trung bình</i>
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Khá
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Trung bình

Xếp loại
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Khá
Khá
Khá
Trung bình
<i>Trung bình</i>
<i>Trung bình</i>
Khá
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Khá
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Khá
Trung bình
Trung bình
Khá
Khá
Trung bình
Khá
Khá
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Khá

Xếp loại
Trung bình
Trung bình
<i>Trung bình</i>
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Khá
<i>Trung bình</i>
<i>Không đạt</i>
Khá
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Khá
Trung bình
Khá
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Trung bình</i>
Khá
<i>Không đạt</i>
Trung bình
<i>Không đạt</i>

Xếp loại
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Trung bình</i>
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Trung bình
<i>Khá</i>
Khá
<i>Trung bình</i>
Khá
Trung bình
Giỏi
<i>Không đạt</i>
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Khá
Khá
Khá
Khá
Trung bình
Khá
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Khá
Trung bình
Trung bình
Trung bình

Xếp loại
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Khá
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Khá
Khá
<i>Khá</i>
Trung bình
<i>Khá</i>
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Không đạt</i>
Trung bình
<i>Trung bình</i>
<i>Trung bình</i>
Khá
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Trung bình

Xếp loại
Trung bình
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Khá
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Giỏi
Trung bình
Trung bình
Khá
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Khá</i>
<i>Trung bình</i>
<i>Không đạt</i>
Khá
Trung bình
Trung bình
<i>Trung bình</i>
<i>Không đạt</i>
Khá
<i>Không đạt</i>
<i>Trung bình</i>
Khá
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Trung bình
<i>Khá</i>
Trung bình
Khá

Xếp loại
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Trung bình</i>
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Không đạt</i>
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Trung bình
<i>Trung bình</i>
<i>Không đạt</i>
Khá
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Khá</i>
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Khá</i>
<i>Trung bình</i>
<i>Không đạt</i>
<i>Trung bình</i>

Xếp loại
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Khá
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Khá
Trung bình
Trung bình
Khá
Trung bình
Khá
Khá
<i>Không đạt</i>
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Khá
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Trung bình</i>
<i>Không đạt</i>
<i>Không đạt</i>
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Trung bình
<i>Trung bình</i>

Xếp loại
<i>Không đạt</i>
<i>Trung bình</i>
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Không đạt</i>
Khá
Trung bình
Trung bình
Khá
<i>Không đạt</i>
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Không đạt</i>
<i>Không đạt</i>
Trung bình
<i>Trung bình</i>
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Khá
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Khá
<i>Trung bình</i>

Xếp loại
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Khá
Khá
<i>Không đạt</i>
Khá
<i>Không đạt</i>
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Khá
Trung bình
Trung bình
Khá
<i>Khá</i>
Khá
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Khá
Khá
<i>Không đạt</i>
<i>Trung bình</i>
<i>Trung bình</i>
<i>Không đạt</i>

Xếp loại
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Trung bình
<i>Trung bình</i>
<i>Trung bình</i>
<i>Trung bình</i>
<i>Trung bình</i>
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Trung bình
Khá
<i>Không đạt</i>
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Trung bình</i>
Khá
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Giỏi
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Trung bình</i>
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Khá

Xếp loại
<i>Trung bình</i>
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Trung bình
<i>Trung bình</i>
<i>Không đạt</i>
Khá
Khá
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Khá
Trung bình
Trung bình
<i>Trung bình</i>
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Khá
Khá
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Trung bình
Khá
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Trung bình</i>
<i>Trung bình</i>
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình

Xếp loại
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Khá
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Trung bình
<i>Khá</i>
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Khá
<i>Trung bình</i>
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>

Xếp loại
<i>Khá</i>
Khá
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Khá
Trung bình
Trung bình
Khá
Trung bình
<i>Trung bình</i>
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Trung bình</i>
<i>Trung bình</i>
<i>Không đạt</i>
Khá
<i>Giỏi</i>
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Không đạt</i>
<i>Trung bình</i>
Trung bình
<i>Khá</i>
Trung bình
<i>Không đạt</i>

Xếp loại
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Khá
Trung bình
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Trung bình
<i>Trung bình</i>
<i>Không đạt</i>
Trung bình
Trung bình
Trung bình
Trung bình
<i>Không đạt</i>
<i>Trung bình</i>
Trung bình
<i>Trung bình</i>
Trung bình
Trung bình
Khá
<i>Trung bình</i>
<i>Không đạt</i>
<i>Trung bình</i>

Xếp loại

Xếp loại